TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT.
Ngày 11-6-2018.
V/v tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.
Các Thẩm phán Ông Nguyễn Văn Tửu.
Bà Nguyễn Thị Tư.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh vĩnh long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-HNGĐ ngày 26/01/2018 về tranh chấp*"Ly hôn, chia tài sản"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 77/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 11/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987 (Có mặt).
Địa chỉ đăng ký HKTT: Ấp N, xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.
Địa chỉ chổ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Hoài Duy T – Văn phòng luật sư Hồng Anh - Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
+ Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1965 (Có mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H: Anh Trần Hoàng Th, sinh năm 1979. Địa chỉ:, đường Phạm Thái B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt)
+ Bà Võ Thị P, sinh năm 1965 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án; ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 chị H và anh D cưới nhau, vợ chồng chị H anh D có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 02 năm 2007. Sau khi cưới đến khi ly thân vợ chồng chị H anh D sống chung với gia đình cha, mẹ anh D là ông V bà H. Chị H cho rằng vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm đầu 2016 thì phát sinh mâu thuẫn ly thân. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, anh D không tin tưởng chị, thường xuyên giám sát theo dõi mọi sinh hoạt cá nhân của chị, thậm chí có lần còn làm nhục chị và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị và anh D đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Chị H xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa chị và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng chị H anh D không có con chung.

- Về tài sản chung: Do muốn làm ăn kinh tế riêng nên năm 2015 chị H và anh D thỏa thuận miệng mua một chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) của cha mẹ chồng chị là ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Tuyết H với giá 800.000.000 đồng, thực hiện theo thỏa thuận miệng chị H chuyển trả tiền mua xe vào tài khoản của ông V 800.000.000đ vào ngày 06/4/2015 khi ông V đang đi mua xe khác. Mặc dù, chị đã chuyển trả tiền mua xe nhưng ông V bà H không giao xe cho chị.

Đến ngày 09/9/2015 anh D chồng chị và vợ chồng ông V bà H đến Văn phòng Công chứng Phương A ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô được Công chứng viên chứng nhận. Theo hợp đồng ông V bà H bán cho anh D một chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) giá 200.000.000 đồng. Phương thức thanh toán được thể hiện trên hợp đồng là: Thanh toán bằng đồng Việt Nam, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán một lần ngay sau khi hai bên ký tên vào văn bản hợp đồng này và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Mặc dù, trên hợp đồng thể hiện như vậy, nhưng phía anh D không có thanh toán tiền cho ông V bà H 200.000.000 đồng vì trước đó chị đã trả tiền mua xe 800.000.000 đồng vào ngày 06/4/2015, Việc chị chuyển vào tài khoản ông V 800.000.000 đồng là trả tiền mua xe chứ không phải chuyển tiền dùm bà H. Xe hiện nay ông V bà H chưa giao cho chị và anh D. Chị H xác định giá trị chiếc xe ô tô là 700.000.000 đồng, chị yêu cầu

chia cho chị ½ giá trị xe là 350.000.000 đồng và giao chiếc xe ô tô cho anh D được trọn quyền sở hữu.

Đối với các tài sản khác chị H yêu cầu chia tại đơn khởi kiện gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1 – 188.99, 01tủ lạnh hiệu LG, 01 máy lạnh hiệu Samsung, 01 bộ cửa nhôm, 01 bộ bàn ghế bằng Inox, 01 tủ áo bằng nhôm, 02 cửa nhôm, 01 tủ thần tài, 01 bộ ngựa bằng gỗ, 01 tủ ly và 01 bộ giường hộp. Hiện nay chị và anh D đã thỏa thuận xong nên chị H rút yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản này.

- Về nợ chung: Chị H cho rằng chị và anh D có nợ của mẹ ruột chị tên Võ Thị P số tiền 150.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh và bà P cũng không có yêu cầu chị và anh D trả lại tiền cho bà P, nên chị H không có yêu cầu Tòa giải quyết đối với số nợ này.

Tại tờ tường trình ngày 22 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D xác định lời trình bày của chị H đúng về hôn nhân cũng như mâu thuẫn của vợ chồng và anh D đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng anh D chị H không có con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời gian vợ chồng anh D chị H chung sống, vào ngày 09/9/2015 anh D và vợ chồng ông V bà H đến Văn phòng Công chứng Phương A ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô được Công chứng viên chứng nhận. Theo hợp đồng ông V bà H bán cho anh D một chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) giá 200.000.000 đồng. Phương thức thanh toán được thể hiện trên hợp đồng là: Thanh toán bằng đồng Việt Nam, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán một lần ngay sau khi hai bên ký tên vào văn bản hợp đồng này và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Mặc dù, trên hợp đồng thể hiện như vậy, nhưng phía anh D không có thanh toán tiền cho ông V bà H 200.000.000 đồng và ông V bà H chưa giao xe cho anh D nên chiếc xe vẫn là tài sản của ông V bà H, không phải là tài sản chung của anh D chị H. Do đó, anh không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị H. Anh D xác định giá trị chiếc xe ô tô là 200.000.000 đồng.

Đối với các tài sản khác chị H yêu cầu chia tại đơn khởi kiện thì hiện nay anh và chị H đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D xác định anh và chị H không có nợ chung. Đối với việc chị H cho rằng anh và chị H có nợ bà Võ Thị P số tiền 150.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh và bà P cũng không có yêu cầu anh và chị H trả lại tiền cho bà P, nên anh D không có ý kiến về vấn đề này.

Tại tờ tường trình ngày 22 tháng 5 năm 2017 của bà Nguyễn Thị Tuyết H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hoàng Th là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Vào ngày 09/9/2015 anh D và vợ chồng ông V bà H đến Văn phòng Công chứng Phương A ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô được Công chứng viên chứng nhận. Theo hợp đồng ông V bà H bán cho anh D một chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) giá

200.000.000 đồng. Phương thức thanh toán được thể hiện trên hợp đồng là: Thanh toán bằng đồng Việt Nam, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán một lần ngay sau khi hai bên ký tên vào văn bản hợp đồng này và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Mặc dù, trên hợp đồng thể hiện như vậy, nhưng phía anh D chị H không có thanh toán tiền cho ông V bà H 200.000.000 đồng và ông V bà H chưa giao xe cho anh D nên chiếc xe vẫn là tài sản của ông V bà H, không phải là tài sản chung của anh D chị H. Ông V bà H không đồng ý giao chiếc xe cho anh D chị H và cũng không yêu cầu anh D chị H trả tiền mua chiếc xe ô tô cho ông bà.

Ông V bà H cho rằng từ khi anh D chị H cưới nhau cho đến khi ly thân đầu năm 2016 anh D chị H sống chung với gia đình ông V bà H, ngày 06/4/2015 ông V đi Sài Gòn xem xe để mua không mang tiền theo, khi chọn được xe vừa ý ông V gọi điện thoại về kêu bà H chuyển cho ông V 800.000.000 đồng để mua xe, chị H là dâu sống chung trong gia đình nên bà H giao chị H 800.000.000 đồng nhờ chị H mang ra Ngân hàng chuyển dùm vào tài khoản của ông V để mua xe.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị P trình bày:

Trước đây bà P có cho chị H anh D mượn số tiền 150.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ gì. Do hiện nay anh D không thừa nhận có nợ tiền của bà, bà cũng không có chứng cứ để chứng minh anh D chị H có nợ tiền bà, nên bà không có yêu cầu anh D chị H trả lại tiền cho bà.

Tại bản án sơ thẩm số: 77/2017/HNGĐ-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D.

2. Về chia tài sản chung:

2.1. Chia cho anh Nguyễn Văn D được quyền sở hữu chiếc xe ô tô khách, nhãn hiệu THACO, biển số 64B – 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742), xe do bà Nguyễn Thị Tuyết H đứng tên giấy đăng ký xe.

Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu tài sản được chia.

2.2. Buộc anh Nguyễn Văn D chia (Trả) cho chị Phạm Thị H số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm chục triệu đồng).

3. Đình chỉ giải quyết việc chị Phạm Thị H yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1–188.99, 01tủ lạnh hiệu LG, 01 máy lạnh hiệu Samsung, 01 bộ cửa nhôm, 01 bộ bàn ghế bằng Inox, 01 tủ áo bằng nhôm, 02 cửa nhôm, 01 tủ thần tài, 01 bộ ngựa bằng gỗ, 01 tủ ly và 01 bộ giường hộp.

4. Dành cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H một vụ kiện dân sự khác, để yêu cầu chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D thanh toán tiền mua bán chiếc xe ô tô khách, nhãn hiệu THACO, biển số 64B – 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25/12/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn D kháng cáo: Yêu cầu Tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H trong việc yêu cầu chia tài sản chung với anh D là chiếc xe mang biển số 64B – 007.85 do chiếc xe trên vẫn còn của cha mẹ anh D, hủy phần quyết định đã tuyên chia cho anh D tài sản là chiếc xe mang biển số 64B – 007.85 do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên. Lý do chưa xác định được mối quan hệ ai đang là chủ sở hữu chiếc xe do hợp đồng chuyển nhượng chưa hoàn thành và anh D cũng không có yêu cầu Tòa chia tài sản là chiếc xe, nhưng Tòa cấp sơ thẩm vẫn tuyên chia cho anh D chiếc xe và buộc anh D phải trả cho chị H 50% giá trị chiếc xe là 350.000.000đ theo giá chị H tự đưa ra là không đúng.

Ngày 25/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H kháng cáo: Yêu cầu Tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H trong việc chia tài sản chung với anh D là chiếc xe mang biển số 64B – 007.85 vì đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông V bà H, hủy phần quyết định đã tuyên chia cho anh D tài sản là chiếc xe mang biển số 64B – 007.85 do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên. Lý do chưa xác định được mối quan hệ ai đang là chủ sở hữu chiếc xe do hợp đồng chuyển nhượng chưa hoàn thành chiếc xe trên vẫn là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông V bà H. Anh D cũng không có tranh chấp chiếc xe nhưng Tòa sơ thẩm vẫn tuyên chia cho anh D là chưa đúng.

Tại cấp phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được giá trị tài sản tranh chấp là xe ô tô khách biển số 64B – 007.85, nhãn hiệu THACO, 47 chổ ngồi, do Việt Nam sản xuất năm 2008 hết niên hạn sử dụng vào năm 2028, nên chị H yêu cầu định giá để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Kết quả định giá được thể hiện tại biên bản định giá ngày 24/4/2018 Hội đồng định giá tài sản tranh chấp là xe ô tô khách biển số 64B – 007.85, nhãn hiệu THACO, 47 chổ ngồi, do Việt Nam sản xuất năm 2008 hết niên hạn sử dụng vào năm 2028. Giá trị còn lại của xe ô tô khách biển số 64B – 007.85 là 255.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị H đề nghị bác kháng cáo của bị đơn anh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V bà H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bị đơn anh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V bà H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn D vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tuyết H vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến

khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự, Luật sư đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn D là có căn cứ để xem xét chấp nhận một phần. Vì hợp đồng mua bán xe ô tô khách nhãn hiệu THACO, biển số 64B-007.85 (Biển số cũ 64H-5742) được lập ngày 09/9/2015 tại Văn phòng công chứng Phương A giữa bên mua là anh Nguyễn Văn D với bên bán là bà Nguyễn Thị Tuyết H và chồng là ông Nguyễn Văn V là có xãy ra trên thực tế, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh D là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi ký hợp đồng mua bán xe thì vợ chồng anh D chị H xãy ra mâu thuẩn, nên chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu chia ½ giá trị xe khách nói trên. Ngoài ra chị H trình bày xe ô tô khách nhãn hiệu THACO, biển số 64B-007.85 (Biển số cũ 64H-5742) là của vợ chồng chị mua của mẹ chồng tên Nguyễn Thị Tuyết H với giá 800.000.000 đồng, nhưng khi lập hợp đồng mua bán chỉ ghi giá 200.000.000 đồng là nhằm để trốn thuế, chị H còn xuất trình phiếu chuyển 800.000.000 đồng vào tài khoản của cha chồng là ông Nguyễn Văn V vào ngày 06/4/2015. Quá trình giải quyết vụ án Tòa cấp sơ thẩm chưa thực hiện các thủ tục định giá tài sản tranh chấp, nên chị H tự xác định giá trị còn lại của xe là 700.000.000 đồng đã được cấp sơ thẩm chấp nhận xe ô tô khách nhãn hiệu THACO, biển số 64B-007.85 (Biển số cũ 64H-5742) là tài sản chung của vợ chồng chị H anh D nên chia cho chị H 50% giá trị xe ô tô khách là 350.000.000 đồng. Bị đơn anh D và người có liên quan ông V bà H không đồng ý và có đơn kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Theo kết quả định giá ngày 24/4/2018 thì giá trị còn lại của xe ô tô khách nhãn hiệu THACO, biển số 64B-007.85 (Biển số cũ 64H-5742) là: 30% x 850.000.000 đồng = 255.000.000 đồng. Tuy nguyên đơn chị H không thống nhất giá trị còn lại của xe ô tô khách nói trên nhưng không có khiếu nại về giá và cũng không yêu cầu định giá lại nên xem đây là căn cứ đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chia đôi giá trị xe ô tô khách nhãn hiệu THACO, biển số 64B-007.85 (Biển số cũ 64H-5742) là: 255.000.000 đồng : 2 = 127.500.000 đồng là phù hợp.

Xét kháng cáo của người có liên quan ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Tuyết H không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông V bà H.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Tuyết H; sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm; Các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh D chị H cưới nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 02 năm 2007. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản chung. Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản " là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/12/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Tuyết H có đơn kháng cáo Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít. Đơn kháng cáo của anh D, ông V và bà H còn trong thời hạn luật định theo Điều 273; anh D, ông V và bà H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên kháng cáo của anh D, ông V và bà H được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D.

Việc anh D yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của chị H trong việc chia tài sản chung với anh D là chiếc xe ô tô mang biển số 64B – 007.85 do chiếc xe trên vẫn còn là tài sản của cha mẹ anh D là có cơ sở chấp nhận một phần. Vì, theo hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/9/2015 vợ chồng ông V bà H bán cho anh D một chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) giá bán 200.000.000 đồng. Phương thức thanh toán được thể hiện trên hợp đồng là: Thanh toán bằng đồng Việt Nam, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán một lần ngay sau khi hai bên ký tên vào văn bản hợp đồng này và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Thực tế hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/9/2015 giữa vợ chồng ông V bà H và anh D đã được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Giữa anh D, ông V, bà H là người thân trong gia đình với nhau, khi chị H phát sinh tranh chấp chiếc xe thì anh D, ông V, bà H không thừa nhận anh D có trả cho vợ chồng ông V bà H 200.000.000 đồng tiền mua xe. Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh "... Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp; ...", nên Hội đồng xét xử xác định ngày 09/9/2015 vợ chồng ông V bà H có bán cho anh D một chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) giá 200.000.000 đồng, anh D đã thanh toán cho ông V bà H xong 200.000.000 đồng nhưng chưa nhận xe là có xãy ra trên thực tế. Anh D mua xe trong thời gian anh D và chị H là vợ chồng sống chung với nhau. Cho nên chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85

(Biển số cũ 64H – 5742) do anh D và chị H tạo ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của anh D chị H là phù hợp quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yêu tố sau đây: " . . .Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng". Tại bản tự khai của chị Phạm Thị H, ngày 15/3/2017 (BL45) chị H trình bày "Ngày 15/3/2017 chị ra Nha Trang lấy tiền xe, sau đó chị vào nhà trọ Kiều H để đến phòng đi chơi với anh tên H khi ra khỏi phòng thì bị chồng là anh D thấy đánh chị còn cô chồng hớt tóc chị". Từ mâu thuẫn này dẫn đến chị H khởi kiện xin ly hôn và chia tài sản với anh D. Cho nên, xét về lỗi trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng giữa anh D chị H. Chị H là người có lỗi nên chị H được chia 40% giá trị của xe, anh D được chia 60% giá trị của xe, lấy giá trị xe tranh chấp là 255.000.000 đồng theo biên bản định giá ngày 24/4/2018 để làm cơ sở chia cho anh D chị H. Số tiền cụ thể anh D chị H được chia như sau:

Chia cho anh D 60% giá trị xe là: (255.000.000 đồng x 60%) = 153.000.000 đồng.

Chia cho chị H 40% giá trị xe là: (255.000.000 đồng x 40%) = 102.000.000 đồng.

Xe do bên gia đình anh D đang quản lý nên giao xe cho anh D được quyền sở hữu, anh D phải có nghĩa vụ chia (Trả) cho chị H 40% giá trị chiếc xe là 102.000.000 đồng.

Chị H cho rằng chị và anh D mua chiếc xe ô tô khách 47 chổ ngồi, nhãn hiệu THACO, biển số 64B - 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) của ông V, bà H với giá 800.000.000 đồng và chị cung cấp giấy chuyển tiền vào tài khoản của ông V 800.000.000 đồng vào ngày 06/4/2015 trước ngày anh D và vợ chồng ông V bà H ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô là 05 tháng 04 ngày. Ngoài giấy chuyển tiền này ra chị H không còn cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh mua xe của ông V bà H giá 800.000.000 đồng. Từ khi chị H anh D cưới nhau vào năm 2007 đến khi ly thân năm 2016 vợ chồng chị H anh D sống chung với gia đình ông V bà H. Các giao dịch thường ngày như chuyển tiền dùm ông V bà H và nhận tiền dùm ông V bà H đều do chị H thực hiện. Cụ thể như: Ngày 23/01/2017 chị H chuyển tiền dùm ông V bà H cho ông Nguyễn Phước Q nhận 40.000.000 đồng (BL199), ngày 15/3/2017 chị H đến Công ty TNHH đầu tư phát triển Tiến Phát Sài Gòn Nha Trang nhận tiền dùm ông V bà H 58.259.000 đồng (BL 200, 201). Từ đó có cơ sở xác định ngày 06/4/2015 chị H là dâu sống chung với gia đình ông V bà H chuyển tiền dùm bà H vào tài khoản của ông V 800.000.000 đồng, khi ông V đi mua xe là có xãy ra trên thực tế.

Việc anh D yêu cầu hủy phần quyết định đã tuyên chia cho anh D tài sản là chiếc xe mang biển số 64B – 007.85 do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Xét toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Việc ông V bà H kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của chị H trong việc chia tài sản chung với anh D là chiếc xe mang biển số 64B – 00785 vì đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông V bà H, hủy phần quyết định đã tuyên chia cho anh D tài sản là chiếc xe mang biển số 64B – 007.85 do bà Nguyễn Thị Tuyết H đang đứng tên, do hợp đồng mua bán chưa hoàn thành chiếc xe trên vẫn là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông V bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Tòa cấp sơ thẩm dành cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H một vụ kiện dân sự khác, để yêu cầu chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D thanh toán tiền mua bán chiếc xe ô tô khách, nhãn hiệu THACO, biển số 64B – 007.85 (Biển số cũ 64H – 5742) là chưa chính xác. Vì, tại hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/9/2015 vợ chồng ông V bà H và anh D có thỏa thuận phương thức thanh toán bằng đồng Việt Nam, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thanh toán một lần ngay sau khi hai bên ký tên vào văn bản hợp đồng này và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Thực tế hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/9/2015 giữa vợ chồng ông V bà H và anh D đã được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận. Căn cứ theo thỏa thuận này thì anh D đã thanh toán cho ông V bà H đủ 200.000.000 đồng tiền mua xe một lần ngay sau khi hai bên ký tên vào văn bản hợp đồng này và được Công chứng viên Văn phòng công chứng Phương A chứng nhận, nhưng ông V bà H chưa giao xe cho anh D là có xãy ra trên thực tế.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Tuyết H; chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án sơ thẩm số: 77/2017/HNGĐ-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

[5]. Về chi phí định giá là: 757.000 đồng, số tiền này chị H đã nộp tạm ứng trước.

Buộc chị H nộp 40% chi phí định giá là: (757.000 đồng x 40%) = 302.800 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng chị H đã nộp nên không phải nộp thêm.

Buộc anh D nộp 60% chi phí định giá là: (757.000 đồng x 60%) = 454.200 đồng, số tiền này chị H đã nộp tạm ứng xong nên buộc anh D nộp trả chị H 454.200 đồng.

[6]. Về án phí sơ thẩm được xác định lại như sau:

Buộc chị H nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và (102.000.000 đồng x 5%) = 5.100.000 đồng tiền án phí tài sản được chia.

Buộc anh D nộp (153.000.000 đồng x 5%) = 7.650.000 đồng tiền án phí tài sản được chia.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Do Sửa sửa bản án sơ thẩm nên đương sự có kháng cáo không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về thuận tình ly hôn, đình chỉ giải quyết việc chị Phạm Thị H yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1 – 188.99, 01tủ lạnh hiệu LG, 01 máy lạnh hiệu Samsung, 01 bộ cửa nhôm, 01 bộ bàn ghế bằng Inox, 01 tủ áo bằng nhôm, 02 cửa nhôm, 01 tủ thần tài, 01 bộ ngựa bằng gỗ, 01 tủ ly và 01 bộ giường hộp và quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng:

Điều 6, khoản 1 Điều 28, Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 104, Điều 147, Điều 148, Điều 165, Điều 166 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 33, Điều 51, Điều 55, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 24, Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Tuyết H.

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 77/2017/HNGĐ-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

3. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Phạm Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn D.

4. Về tài sản chung:

- Chia cho anh Nguyễn Văn D được quyền sở hữu chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu THACO, biển số 64B – 0007.85 (Biển số cũ 64H – 5742), xe do bà Nguyễn Thị Tuyết H đứng tên đăng ký. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Văn D chiếc xe được chia.

Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu tài sản được chia.

- Buộc anh Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ chia (Trả) cho chị Phạm Thị H 40% giá trị chiếc xe là 102.000.000 đồng (Một trăm lẽ hai triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên có quyền, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ giải quyết việc chị Phạm Thị H yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 64D1–188.99, 01tủ lạnh hiệu LG, 01 máy lạnh hiệu Samsung, 01 bộ cửa nhôm, 01 bộ bàn ghế bằng Inox, 01 tủ áo bằng nhôm, 02 cửa nhôm, 01 tủ thần tài, 01 bộ ngựa bằng gỗ, 01 tủ ly và 01 bộ giường hộp

6. Về chi phí định giá là: 757.000 đồng số tiền này chị H đã nộp tạm ứng trước.

Buộc chị Phạm Thị H nộp 302.800 đồng (Ba trăm lẽ hai nghìn, tám trăm đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng chị H đã nộp nên không phải nộp thêm.

Buộc anh Nguyễn Văn D nộp 454.200 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm đồng), số tiền này chị H đã nộp tạm ứng trước nên buộc anh D có nghĩa vụ nộp trả chị H 454.200 đồng.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Phạm Thị H nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 5.100.000 đồng tiền án phí tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.800.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo các biên lai thu số 0005543, 0005544 cùng ngày 07/4/2017. Hoàn trả chị H 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn D nộp 7.650.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí tài sản được chia.

8. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả anh Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Tuyết H mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo các biên lai thu số 0006229, 0006230, 0006231 cùng ngày 26/12/2017.

9. Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hh án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01b;*
- *VKSNDTVL: 02b;*
- *CA TAT: 01b;*
- *TAND huyện Mang Thít: 01b;*
- *THADS huyện Mang Thít: 02b;*
- *UBND xã N: 01b;*
- *Đ/sự: 05b;*
- *Lưu: 06 b.*